TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2024/HS-PT
Ngày 30/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết, ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2024, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2024/TLPT-HS ngày 01/10/2024 đối với bị cáo Trương Thị L về tội "Môi giới mại dâm", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

Họ và tên: **Trương Thị L**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 11 năm 2003, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 22, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang T (đã chết); con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/02/2024 đến ngày 06/3/2024, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị L, Vũ Thị T, sinh năm 1993, trú tại: Thôn 16, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Lương Thị H ,sinh năm 1992, trú tại: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông làm nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài hát cho khách hát tại quán Karaoke M, địa chỉ: 102 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do chị Nguyễn Lê Nhật H3 làm

chủ. Vào khoảng 21 giờ ngày 28/02/2024, L cùng T và H đi đến quán Karaoke M để phục vụ rót bia, bấm bài hát cho khách hát. Lúc này, Huỳnh Tấn Đ (sinh năm 1989, trú tại: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk); Trần Ngọc H (sinh năm 1987, trú tại: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) và Phạm Đình H (sinh năm 1993, trú tại: Tổ dân phố 7, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đi đến phòng hát số 02 của quán Karaoke M để hát karaoke. Sau đó, L, T và H lần lượt đi vào phòng hát số 02 phục vụ rót bia, bấm bài cho Đ, Ngọc H, Đình H1. Trong lúc ngồi hát, Đ hỏi L về việc mua dâm với giá 1.000.000 đồng thì L đồng ý đi bán dâm cho Đ. Lúc này, Ngọc H và Đình H1 đến hỏi L về việc tìm 02 gái bán dâm cho Ngọc H và Đình H1, trong đó mỗi người sẽ đưa cho L số tiền 200.000 đồng để tìm giúp gái bán dâm, thì L đồng ý. L rủ T và H đi bán dâm cho Ngọc H, Đình H1 với giá bán dâm là 1.000.000 đồng/người thì T và H2 đồng ý. Sau đó, L, T và H2 đi về phòng trọ để thay đồ đi bán dâm. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ cùng Ngọc H, Đình H1 đi đến Nhà nghỉ Linh Đ, tại địa chỉ: Số 13 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do ông Nguyễn Văn S (sinh năm: 1975, trú cùng địa chỉ làm chủ) để thuê phòng. Tại đây, Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen nhắn tin qua ứng dụng Zalo gửi địa chỉ Nhà nghỉ Linh Đ cho L. Đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, L đi xe taxi (không rõ nhân thân lai lịch tài xế và không rõ đặc điểm, biển số xe) đến phòng trọ tại địa chỉ: 178 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk rồi sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7 Z5G, màu đen gọi T và H2 cùng đi xe taxi đến Nhà nghỉ Linh Đ để bán dâm. Khi L, H2 và T đi đến Nhà nghỉ Linh Đ thì gặp Đ, Ngọc H và Đình H1 đang đứng ở quầy lễ tân để lấy phòng thuê. Sau đó, cả nhóm gặp anh Hồ Đức Hoàng V (sinh năm 2000, trú tại: Thôn 22, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, là nhân viên lễ tân của Nhà nghỉ Linh Đ) thuê các phòng 202, 204 và 207 của Nhà nghỉ và thoả thuận mua bán dâm, như sau:

Tại phòng 202: Phạm Đình H1 đưa cho Lương Thị H số tiền 1.000.000 đồng là tiền bán dâm, sau đó H2 và Đình H1 cởi hết quần áo đang mặc trên người ra, Đình H1 bóc 01 cái bao cao su màu vàng, trên vỏ bao có chữ VRT ra đeo bao cao su vào dương vật và đưa vào âm hộ của H2 để thực hiện hành vi mua bán dâm quan hệ tình dục.

Tại phòng 204: Trần Ngọc H đưa cho Vũ Thị T số tiền 500.000 đồng là tiền bán dâm, còn 500.000 đồng sẽ trả sau khi quan hệ tình dục xong, sau đó T và Ngọc H cởi hết quần áo đang mặc trên người ra; Ngọc H bóc 01 cái bao cao su màu vàng, trên vỏ bao có chữ VRT ra đeo bao cao su vào dương vật và đưa vào âm hộ của T để thực hiện hành vi mua bán dâm quan hệ tình dục.

Tại phòng 207: Huỳnh Tấn Đ đưa cho bị cáo Trương Thị L số tiền 1.000.000 đồng là tiền bán dâm, sau đó L và Đ cởi hết quần áo đang mặc trên người ra, Đ bóc 01

cái bao cao su màu vàng, trên vỏ bao có chữ VRT ra đeo bao cao su vào dương vật và đưa vào âm hộ của L để thực hiện hành vi mua bán dâm quan hệ tình dục.

Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, lần lượt tại các phòng 202, 204 và 207, H2 và Đình H1, T và Ngọc H, L và Đ đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục mua bán dâm thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, tạm giữ tại phòng số 202 gồm 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu vàng, trên vỏ bao có chữ VRT, đều đã qua sử dụng và số tiền 1.000.000 đồng của Lương Thị H; Tạm giữ tại phòng số 204 gồm 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu vàng, trên vỏ bao có chữ VRT, đều đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9s, màu xanh, số Imei: 868401058036220, đã qua sử dụng và số tiền 500.000 đồng của Vũ Thị T; Tạm giữ tại phòng số 207 gồm 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu vàng, trên vỏ bao có chữ VRT, đều đã qua sử dụng; số tiền 1.400.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7 Z5G, màu đen, số Imei: 869447054071371, đã qua sử dụng của Trương Thị L; Trần Ngọc H tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng để phục vụ công tác điều tra.

Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị L phạm tội "*Môi giới mại dâm*".

Xử phạt bị cáo Trương Thị L: 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn bắt, tạm giữ, từ ngày 29/02/2024 đến ngày 06/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trương Thị L không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2024, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trương Thị L về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 Điều 328 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản

1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị L. Sửa án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Thị L phạm tội "*Môi giới mại dâm*". Xử phạt bị cáo Trương Thị L 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụnng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 28/02/2024, tại quán Karaoke M, địa chỉ số 102 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Trương Thị L đã có hành vi môi giới cho 02 cặp nam nữ là Trần Ngọc H mua bán dâm với Vũ Thị T; Phạm Đình H1 mua bán dâm với Lương Thị H tại Nhà nghỉ Linh Đ, địa chỉ: Số 13 G, phường T, thành phố B, và thu lợi bất chính số tiền 400.000 đồng thì bị phát hiện xử lý. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Thị L về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo, nhận thấy:

Mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị cáo cung cấp biên lai đóng tiền án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, nguyên nhân, động cơ, mục đích bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn bố bị bệnh mất sớm, mẹ thường xuyên đau ốm phải điều trị, chị gái đi làm công nhân ở xa, bị cáo là lao động chính chăm sóc nuôi dưỡng mẹ, có xác nhận của chính quyền địa phương nên

cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo với mức hình phạt 03 năm tù.

Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội lần đầu do bộc phát nhất thời. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 1 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp với tính chất, mức độ, động cơ, mục đích, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta nhưng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa vi phạm pháp luật nói chung.

[3] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị L - Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Về tội danh và mức hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Thị L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Môi giới mại dâm". Thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ khi tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực

hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo Trương Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm